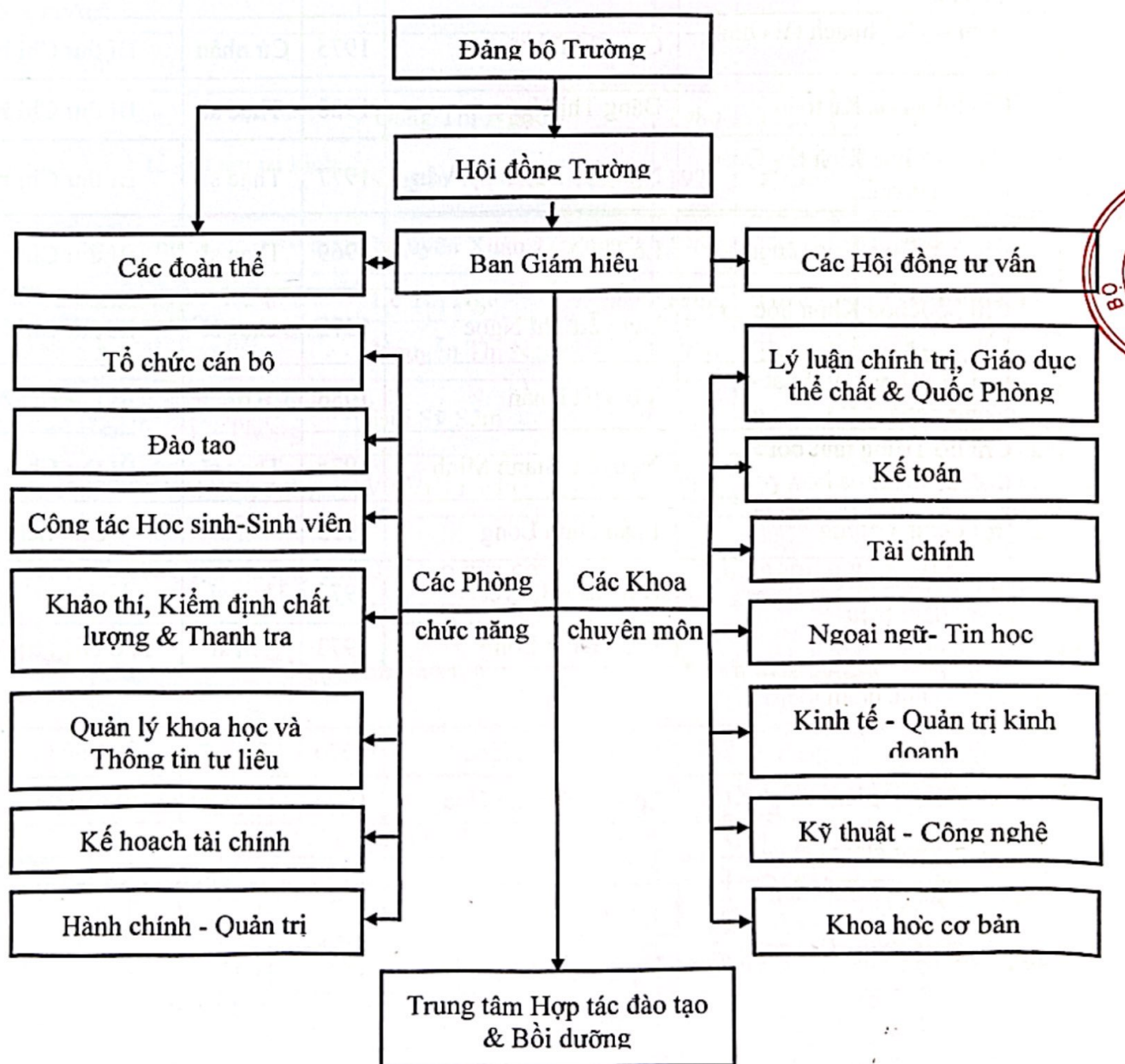


**BÁO CÁO**  
**HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NĂM 2024**

**I. GIỚI THIỆU VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

**1. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

**1.1. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục nghề nghiệp**



## 1.2. Nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

| Các đơn vị (bộ phận)                      | Họ và tên           | Năm sinh | Học vị  | Chức danh, Chức vụ |
|-------------------------------------------|---------------------|----------|---------|--------------------|
| <b>1. Tổ chức Đảng</b>                    |                     |          |         |                    |
| Đảng bộ                                   | Bùi Ngọc Quyết      | 1973     | Thạc sĩ | Bí thư Đảng bộ     |
| Chi bộ Phòng Đào tạo                      | Đặng Hải Hà         | 1977     | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Tổ chức cán bộ và Khảo thí         | Nguyễn Thị Nguyên   | 1972     | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Phòng Hành chính - Quản trị        | Nguyễn Văn Chiến    | 1982     | Cử nhân | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Kế hoạch tài chính                 | Cao Thị Duyên       | 1975     | Cử nhân | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Khoa Kế toán                       | Đặng Thị Ngọc       | 1980     | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh | Nguyễn Thị Thúy Vân | 1977     | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Khoa Ngoại ngữ                     | Lê Thị Nga          | 1969     | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Khoa Khoa học cơ bản               | Nguyễn Thị Ngọc     | 1970     | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Khoa Kỹ thuật - Công nghệ          | Võ Viết Huân        | 1986     | Cử nhân | Bí thư Chi bộ      |
| Chi bộ Trung tâm bồi dưỡng và Khoa học    | Nguyễn Thanh Minh   | 1976     | Thạc sĩ | Bí thư Chi bộ      |
| <b>2. Hội đồng Trường</b>                 |                     |          |         |                    |
|                                           | Phan Đình Long      | 1973     | Tiến sĩ | Chủ tịch           |
| <b>3. Ban Giám hiệu</b>                   | Bùi Ngọc Quyết      | 1973     | Thạc sĩ | Hiệu trưởng        |
|                                           | Phan Đình Long      | 1973     | Tiến sĩ | Phó Hiệu trưởng    |
| <b>4. Các tổ chức đoàn thể</b>            |                     |          |         |                    |
| - Công đoàn                               | Nguyễn Thị Ngọc     | 1970     | Thạc sĩ | Chủ tịch           |
| - Đoàn Thanh niên                         | Lê Thị Phương Hoa   | 1992     | Thạc sĩ | Bí thư             |
| <b>5. Các phòng chức năng</b>             |                     |          |         |                    |
| - Phòng Đào tạo                           | Triệu Quang Trọng   | 1984     | Thạc sĩ | Trưởng Phòng       |
| - Phòng Tổ chức cán bộ                    | Nguyễn Thị Nguyên   | 1972     | Thạc sĩ | Trưởng Phòng       |



| Các đơn vị (bộ phận)                                     | Họ và tên           | Năm sinh | Học vị  | Chức danh, Chức vụ |
|----------------------------------------------------------|---------------------|----------|---------|--------------------|
| - Phòng Công tác Học sinh-Sinh viên                      | Bùi Thị Kim Anh     | 1986     | Thạc sĩ | Trưởng Phòng       |
| - Phòng Khảo thí, Kiểm định chất lượng & Thanh tra       | Trần Thị Hồng Nhung | 1984     | Thạc sĩ | Phó Trưởng Phòng   |
| - Phòng Kế hoạch tài chính                               | Cao Thị Duyên       | 1975     | Cử nhân | Trưởng Phòng       |
| - Phòng Hành chính - Quản trị                            | Nguyễn Văn Chiến    | 1982     | Cử nhân | Trưởng Phòng       |
| - Phòng Quản lý khoa học & Thông tin tư liệu             | Nguyễn Thanh Minh   | 1976     | Thạc sĩ | Trưởng Phòng       |
| <b>6. Trung tâm trực thuộc Trường</b>                    |                     |          |         |                    |
| Trung tâm Hợp tác đào tạo & Bồi dưỡng                    |                     |          |         |                    |
| <b>7. Các Khoa</b>                                       |                     |          |         |                    |
| - Khoa Kế toán.                                          | Đặng Thị Ngọc       | 1980     | Thạc sĩ | Trưởng khoa        |
| - Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh                     | Nguyễn Thị Thúy Vân | 1977     | Thạc sĩ | Trưởng khoa        |
| - Khoa Tài chính                                         | Nguyễn Xuân Trường  | 1964     | Thạc sĩ | Trưởng khoa        |
| - Khoa Ngoại ngữ - Tin học                               | Lê Thị Nga          | 1968     | Thạc sĩ | Trưởng khoa        |
| - Khoa Khoa học cơ bản                                   | Nguyễn Thị Ngọc     | 1970     | Thạc sĩ | Trưởng khoa        |
| - Khoa Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất & Quốc Phòng | Bùi Sỹ Sâm          | 1980     | Thạc sĩ | Trưởng khoa        |
| - Khoa Kỹ thuật - Công nghệ                              | Võ Viết Huân        | 1986     | Cử nhân | Phó trưởng khoa    |

## 2. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024

| TT | Tên ngành đào tạo                  | Trình độ đào tạo | Quy mô tuyển sinh |
|----|------------------------------------|------------------|-------------------|
| 1. | Kế toán                            | Cao đẳng         | 100               |
| 2. | Quản trị kinh doanh                | Cao đẳng         | 100               |
| 3. | Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành | Cao đẳng         | 100               |
| 4. | Kế toán doanh nghiệp               | Trung cấp        | 270               |
| 5. | Kinh doanh xăng dầu và khí đốt     | Trung cấp        | 30                |
| 6. | Hướng dẫn du lịch                  | Trung cấp        | 35                |
| 7. | Quản lý và bán hàng siêu thị       | Trung cấp        | 30                |



| TT  | Tên ngành đào tạo                       | Trình độ đào tạo | Quy mô tuyển sinh |
|-----|-----------------------------------------|------------------|-------------------|
| 8.  | Nghiep vụ nhà hàng, khách sạn           | Trung cấp        | 120               |
| 9.  | Kỹ thuật chế biến món ăn                | Trung cấp        | 160               |
| 10. | Điện công nghiệp                        | Trung cấp        | 60                |
| 11. | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | Trung cấp        | 110               |
| 12. | Công nghệ ô tô                          | Trung cấp        | 70                |
| 13. | Nghiep vụ kinh doanh xăng dầu           | Sơ cấp           | 105               |
| 14. | Kỹ thuật chế biến món ăn                | Sơ cấp           | 120               |
| 15. | Nghiep vụ buồng                         | Sơ cấp           | 70                |
| 16. | Nghiep vụ lễ tân                        | Sơ cấp           | 70                |
| 17. | Nghiep vụ nhà hàng                      | Sơ cấp           | 70                |
| 18. | Nghiep vụ pha chế đồ uống               | Sơ cấp           | 70                |
| 19. | Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí | Sơ cấp           | 70                |
| 20. | Bán hàng siêu thị                       | Sơ cấp           | 70                |

### 3. Đơn vị phụ trách về bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng

Phòng Khảo thí, Kiểm định chất lượng và Thanh tra (KT, KĐCL&TT) là đơn vị phụ trách về Bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng theo Quyết định thành lập số 390/QĐ-KTKTCT ngày 03 tháng 4 năm 2014 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương.

Tổng số nhân sự làm công tác bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng là 02

| TT | Họ và tên           | Chức vụ                       | Số ĐT      | Địa chỉ email           |
|----|---------------------|-------------------------------|------------|-------------------------|
| 1  | Trần Thị Hồng Nhung | Phó trưởng phòng KT, KĐCL&TT  | 0982051402 | hongnhungpltm@gmail.com |
| 2  | Lê Thị Nhung        | Chuyên viên phòng KT, KĐCL&TT | 0915961295 | lenhung.ktkct@gmail.com |

## II. BÁO CÁO XÂY DỰNG, VẬN HÀNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

### 2.1. Tổng quan về hệ thống bảo đảm chất lượng đang vận hành

#### a. Đặt vấn đề

Chất lượng đào tạo có ý nghĩa quan trọng góp phần quyết định chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường sức cạnh tranh quốc gia. Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo có chất lượng sẽ khẳng định thương hiệu, uy tín và lợi thế cạnh tranh trong tuyển sinh đào tạo và cơ hội đầu tư. Do đó đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp không chỉ là mối quan tâm của cơ quan quản lý Nhà nước, của các cơ quan chủ quản mà còn là mối quan tâm trực tiếp của mỗi cơ sở giáo



dục nghề nghiệp. Cho nên việc xây dựng và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng đào tạo đối với cơ sở giáo dục là vô cùng cần thiết. Nó sẽ giúp cho Trường nhìn nhận lại thực tế những gì mà nhà trường làm được để từ đó xác định hướng đi cho phù hợp.

Hệ thống bảo đảm chất lượng trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp là hệ thống các chính sách, quy trình, công cụ đối với tất cả lĩnh vực, nội dung quản lý của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Bảo đảm chất lượng là một quá trình liên tục và không có điểm dừng, đòi hỏi phải xây dựng một hệ thống bảo đảm chất lượng phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của Trường, duy trì hoạt động của hệ thống, thực hiện đánh giá và cải tiến liên tục hệ thống bảo đảm chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, khẳng định thương hiệu và uy tín của trường trong xu thế cạnh tranh, hội nhập và toàn cầu hóa.

### ***b. Thông tin về xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng***

#### **a) Căn cứ xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTB&XH Quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Căn cứ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp ban hành theo Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH;
- Công văn số 2077/TCGDNN-KĐCL ngày 17/5/2023 của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp Về việc thực hiện xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm;

#### **b) Mục đích xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Hệ thống đảm bảo chất lượng được xây dựng nhằm hướng đến việc liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát các công việc ở các bộ phận;
- Là cơ sở cho hoạt động cải thiện chất lượng giáo dục nghề nghiệp, nhằm đánh giá và phục vụ cho mục đích nâng cao chất lượng dạy và học đảm bảo tính minh bạch thông tin trong Nhà trường;
- Là công cụ phục vụ công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp để xác định mức độ cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

#### **c) Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng**

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo phù hợp với mục tiêu đào tạo của Trường;
- Thể hiện được tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của trường trong từng giai đoạn;
- Nhấn mạnh vai trò của nhà quản lý, gắn kết với quyền tự chủ, trách nhiệm giải trình của Trường và lấy người học làm trung tâm;
- Huy động sự tham gia của tất cả cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên,

3  
SỞ  
ĐÀ  
KỶ  
TH



người học;

- Tiếp cận theo quá trình, gắn kết với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp;

- Phù hợp với thực tiễn của trường, dễ vận hành, thuận tiện trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá và cải tiến.

d) Cách thức xây dựng, vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng

- Đánh giá thực trạng công tác bảo đảm chất lượng, hoàn thiện tổ chức nhân sự và các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Lập kế hoạch xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng;

- Tổ chức hướng dẫn về xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng cho cán bộ quản lý, nhà giáo, nhân viên;

- Hiệu trưởng phê duyệt các nội dung thuộc hệ thống bảo đảm chất lượng;

- Hệ thống bảo đảm chất lượng được công bố công khai để toàn thể cán bộ, nhà trường và các đối tượng khác có liên quan biết và triển khai thực hiện.

### ***c. Chính sách chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp***

Ban Giám hiệu cùng toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động Trường cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Công Thương cam kết, xây dựng, vận hành, đánh giá và cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng theo quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội với những nội dung cụ thể sau:

1. Không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người học và nhu cầu của thị trường lao động.

2. Tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên, viên chức có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực chuyên môn đạt chuẩn theo quy định.

3. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành; mở rộng ngành, nghề, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo.

4. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình, giáo trình cập nhật những kiến thức mới, phù hợp với tình hình thực tế.

5. Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về mục tiêu, chương trình đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng dạy và học; được tôn trọng và đối xử bình đẳng; tạo điều kiện tốt nhất về môi trường học tập.

6. Đẩy mạnh công tác tuyển sinh hệ trung cấp và cao đẳng; mở rộng hợp tác về liên kết đào tạo trong và ngoài tỉnh;

7. Duy trì vận hành, cải tiến thường xuyên hệ thống bảo đảm chất lượng đưa Nhà trường phát triển, phấn đấu trở thành trường chất lượng cao./.

### ***d. Mục tiêu chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp***

1. Tập thể lao động tiên tiến đạt 100%; Cá nhân lao động tiên tiến đạt 100%.



2. Học sinh, sinh viên khá giỏi đạt 50% trở lên; Học sinh, sinh viên tốt nghiệp nghề đạt 98% trở lên.

3. Nghiên cứu Khoa học: 3-6 đề tài được bảo vệ cấp trường; phần đầu đề có đề tài cấp Tỉnh hoặc Bộ.

4. Mở thêm các ngành, nghề đào tạo: Kỹ thuật chế biến món ăn hệ cao đẳng; Tiếng anh trong Nhà hàng khách sạn trình độ trung cấp; Tin học ứng dụng hệ trung cấp.

5. 100% các trang thiết bị đào tạo được đưa vào sử dụng và khai thác hiệu quả.

6. Mở rộng quan hệ hợp tác trong và ngoài tỉnh với các doanh nghiệp có nhu cầu về đào tạo, tìm kiếm các nhà tuyển dụng để giới thiệu cơ hội làm việc cho học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

7. Hoàn thành tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp và tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo kế hoạch.

***đ. Danh mục các lĩnh vực quản lý chất lượng được xây dựng và vận hành***

| STT | Lĩnh vực hoạt động (tên Quy trình)                              | Ký hiệu quy trình |
|-----|-----------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1.  | Quy trình xây dựng chương trình đào tạo                         | QT01/ĐT           |
| 2.  | Quy trình quản lý điểm                                          | QT02/ĐT           |
| 3.  | Quy trình thi kết thúc Mô đun/Môn học                           | QT03/ĐT           |
| 4.  | Quy trình xét công nhận tốt nghiệp                              | QT04/ĐT           |
| 5.  | Quy trình tuyển sinh                                            | QT05/ĐT           |
| 6.  | Quy trình tuyển dụng nhân sự                                    | QT01/TCCB         |
| 7.  | Quy trình Đào tạo, bồi dưỡng                                    | QT02/TCCB         |
| 8.  | Quy trình quy hoạch nhân sự                                     | QT03/TCCB         |
| 9.  | Quy trình thi đua, khen thưởng                                  | QT04/TCCB         |
| 10. | Quy trình quản lý hồ sơ cán bộ, viên chức                       | QT05/TCCB         |
| 11. | Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện                            | QT/01/CTHSSV      |
| 12. | Quy trình thực hiện chế độ chính sách                           | QT/02/CTHSSV      |
| 13. | Quy trình xét học bổng                                          | QT03/CTHSSV       |
| 14. | Quy trình thi đua khen thưởng HSSV                              | QT04/CTHSSV       |
| 15. | Quy trình kỷ luật HSSV                                          | QT05/CTHSSV       |
| 16. | Quy trình quản lý, sử dụng tài sản                              | QT01/HCQT         |
| 17. | Quy trình quản lý, sử dụng, bảo dưỡng sửa chữa thiết bị tài sản | QT03/HCQT         |
| 18. | Quy trình thu học phí                                           | QT01/KHTC         |



| STT | Lĩnh vực hoạt động (tên Quy trình)                   | Ký hiệu quy trình |
|-----|------------------------------------------------------|-------------------|
| 19. | Quy trình thanh toán                                 | QT02/KHTC         |
| 20. | Quy trình mở mã nghề mới                             | QT06/ĐT           |
| 21. | Quy trình biên soạn giáo trình đào tạo               | QT07/ĐT           |
| 22. | Quy trình cấp phát văn bằng, chứng chỉ               | QT08/ĐT           |
| 23. | Quy trình đánh giá cán bộ, viên chức, người lao động | QT06/TCCB         |
| 24. | Quy trình kỷ luật cán bộ, viên chức, người lao động. | QT07/TCCB         |
| 25. | Quy trình biên soạn, chỉnh sửa NHCH thi              | QT01/KT,KĐCL-TT   |
| 26. | Quy trình khảo sát nhà giáo, cán bộ quản lý          | QT02/KT,KĐCL-TT   |
| 27. | Quy trình khảo sát học sinh, sinh viên               | QT03/KT,KĐCL-TT   |
| 28. | Quy trình quản lý HSSV nội trú                       | QT06/CTHSSV       |
| 29. | Quy trình tổ chức nhập học cho HSSV trúng tuyển      | QT07/CTHSSV       |
| 30. | Quy trình quản lý dữ liệu, hồ sơ HSSV                | QT08/CTHSSV       |
| 31. | Quy trình quản lý văn bản đến                        | QT03/HCQT         |
| 32. | Quy trình quản lý văn bản đi                         | QT04/HCQT         |
| 33. | Quy trình kiểm kê tài sản                            | QT03/KHTC         |
| 34. | Quy trình thanh lý tài sản                           | QT04/KHTC         |
| 35. | Quy trình thực hiện Nghiên cứu khoa học              | QT01/QLKH         |

**e. Hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng** (giới thiệu đơn vị chủ trì công tác; tóm tắt thực trạng hạ tầng thông tin của cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

Hệ thống thông tin quản lý hệ thống gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ các lĩnh vực hoạt động của hệ thống, hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bao gồm 2 nguồn, một là từ các khảo sát bên có liên quan (HSSV) và thông tin từ các số liệu các đơn vị của nhà trường như số liệu về học vụ, giảng viên, sinh viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, tài chính.... Tổ đảm bảo chất lượng thu thập từ hệ thống giám sát, đây là dữ liệu quan trọng, căn cứ khách quan dùng để cải tiến các hoạt động trong hệ thống như: giảng dạy, học tập, nghiên cứu, cải tiến chương trình, giáo trình,... Các thông tin về đảm bảo chất lượng của nhà trường được công bố rộng rãi, minh bạch đến các đối tượng có liên quan như giảng viên, nhân viên, nhà quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, xã hội.



Các thông tin này được công bố thông qua nhiều kênh khác nhau như website, Báo cáo ĐBCL, hội thảo ĐBCL và các phương tiện khác.

## 2.2. Đánh giá, cải tiến

### a) Đánh giá:

a1) Tổng số đợt đánh giá: 1

a2) Tổng số đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá: 10

### b) Cải tiến:

b1) Nội dung của từng lĩnh vực quản lý chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung cải tiến

| Nội dung thống kê                     | Số lượng | Ghi chú |
|---------------------------------------|----------|---------|
| Tổng số nội dung đang vận hành        | 35       |         |
| Số lượng nội dung thực hiện chỉnh sửa | 0        |         |
| Số lượng nội dung được bổ sung        | 0        |         |
| Số lượng nội dung loại bỏ             | 0        |         |

b2) Các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng được chỉnh sửa, bổ sung

| Nội dung thống kê                               | Số lượng | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|----------|---------|
| Tổng số quy trình, công cụ đang vận hành        | 35       |         |
| Số lượng quy trình, công cụ thực hiện chỉnh sửa | 0        |         |
| Số lượng quy trình, công cụ được bổ sung        | 16       |         |
| Số lượng quy trình, công cụ loại bỏ             | 0        |         |

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

### 1. Ưu điểm:

- Giúp nâng cao năng lực quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trường.
- Giúp điều hành nội bộ và kiểm soát công việc tốt hơn.
- Chất lượng công việc được cải tiến thường xuyên.

### 2. Tồn tại, hạn chế:

Chưa xây dựng được đủ các quy trình, công cụ bảo đảm chất lượng

### 3. Nguyên nhân:

Số cán bộ, giảng viên, viên chức tham gia các lớp tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp còn ít.

Chưa có cán bộ, giảng viên, viên chức nào được bồi dưỡng về công tác xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.



**4. Đề xuất:**

Tổng cục giáo dục nghề nghiệp cần mở nhiều các lớp tập huấn, bồi dưỡng về xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho cán bộ, giảng viên ở các trường Trung cấp, Cao đẳng.

**Nơi nhận:**

- Bộ LĐTB&XH (Tổng cục GDNN);
- Sở LĐTB&XH tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTKĐCLTT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG****PHÓ HIỆU TRƯỞNG****PHAN ĐÌNH LONG**